

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội  
cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn  
tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2027**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 26/12/2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm  
xã hội tự nguyện;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 quy định  
chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 của Bộ Lao  
động Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số  
điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;*

*Xét Tờ trình số 5499/TTr-UBND ngày 23/10/2022 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính  
sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự  
nguyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 151/BC-HĐND ngày  
28/10/2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2027.

### **Điều 2.** Đối tượng áp dụng

1. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, được đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến bảo hiểm xã hội tự nguyện.

### **Điều 3.** Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, phương thức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ: Ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này được hỗ trợ thêm tiền đóng bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ (%) trên mức đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Bằng 30% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo;

b) Bằng 20% đối với các đối tượng khác.

2. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian thực tế tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của mỗi người, nhưng không quá 05 năm (60 tháng), kể từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2027.

3. Phương thức hỗ trợ: Áp dụng phương thức hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP.

### **Điều 4.** Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, hằng năm được Tỉnh giao dự toán cho các địa phương tổ chức thực hiện hỗ trợ.

### **Điều 5.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng và nội dung hỗ trợ. Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, và thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trong chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện chính sách. Chú trọng kiểm soát, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách này, không để xảy ra trục lợi chính sách, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm (nếu có).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Khoá XIV, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBTV Quốc hội;
- Các bộ, ngành: Tài chính, LĐ-TB&XH, Tư pháp; Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khoá XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh uỷ;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu VT, VX1.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Kỳ**